

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
TẠI KỲ TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN HUYỆN BÌNH SƠN NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2025 của UBND huyện Bình Sơn)

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	BẠC MÀM NON							
1	Nguyễn Thị Ánh Nhung	19/5/2000	MN	Con Thương binh	87.50	5.00	92.50	
2	Nguyễn Thị Bảo Hạnh	02/01/2000	MN	-	89.00		89.00	
3	Nguyễn Thị Thu Hương	18/01/1998	MN	-	89.00		89.00	
4	Võ Thị Nhật	01/11/1999	MN	-	89.00		89.00	
5	Nguyễn Thị Thanh Kiều	20/8/1995	MN	-	87.50		87.50	
6	Trịnh Thị Hiếu	09/7/1996	MN	-	87.00		87.00	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
7	Lâm Thị Kim Quý	16/10/1996	MN	-	87.00		87.00	
8	Đỗ Thị Mỹ Huyền	21/7/1998	MN	-	86.50		86.50	
9	Phạm Thị Thu Thủy	20/02/2002	MN	-	86.50		86.50	
10	Nguyễn Thị Thanh Loan	07/8/1993	MN	-	85.50		85.50	
11	Nguyễn Thị Hạ My	11/7/2001	MN	-	85.50		85.50	
12	Đoàn Thị Ái Mỹ	20/02/2000	MN	-	85.50		85.50	
13	Nguyễn Thị Thùy Loan	22/5/1995	MN	-	85.25		85.25	
14	Bùi Thị Mai	07/6/1995	MN	-	85.00		85.00	
15	Nguyễn Thị Huyền My	02/3/2001	MN	-	84.50		84.50	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
16	Nguyễn Thị Cẩm Ngọc	16/10/2003	MN	-	84.50		84.50	
17	Nguyễn Hòa Phương	20/01/2002	MN	-	84.50		84.50	
18	Lê Thị Thu Hương	29/6/1987	MN	-	84.00		84.00	
19	Nguyễn Thị Lệ My	13/12/2001	MN	-	84.00		84.00	
20	Đỗ Thị Mỹ Viên	30/01/1997	MN	-	84.00		84.00	
21	Huỳnh Thị Thiện	26/10/1994	MN	-	83.00		83.00	
22	Đỗ Thị Liên	16/6/1999	MN	-	82.00		82.00	
23	Phạm Thị Hồng Hoanh	16/10/1996	MN	-	81.75		81.75	
24	Trương Thị Thúy Ngân	15/8/2001	MN	-	81.50		81.50	
25	Đỗ Thị Kim Nhi	15/9/1999	MN	-	81.50		81.50	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
26	Huỳnh Thị Bích Thu	04/12/1995	MN	-	81.25		81.25	
27	Hồ Thị Thùy Dung	28/10/1996	MN	-	81.00		81.00	
28	Phạm Thị Bích Ngọc	18/01/1996	MN	-	81.00		81.00	
29	Đinh Thị Hằng	25/11/1993	MN	-	80.50		80.50	
30	Trương Thị Thúy Nga	24/12/1997	MN	-	80.50		80.50	
31	Hồ Thị Bảo Yến	16/10/1992	MN	-	80.50		80.50	
32	Huỳnh Thị Kim Châu	10/01/1990	MN	-	80.25		80.25	
33	Hồ Thị Hoàng Diễm	26/11/1992	MN	-	80.25		80.25	
34	Nguyễn Thị Xuân An	09/3/2000	MN	-	80.00		80.00	
35	Lê Thị Thanh Hương	16/02/1994	MN	-	80.00		80.00	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
36	Mai Thị Tú	07/07/1998	MN	-	79.75		79.75	
37	Nguyễn Thị Được	16/12/2001	MN	-	79.50		79.50	
II	BẬC TIỂU HỌC							
*	MÔN CƠ BẢN							
1	Đặng Thị Như Quỳnh	30/3/1997	THCB	-	96.50		96.50	
2	Lê Thị Hạnh	13/9/1997	THCB	-	94.00		94.00	
3	Phạm Thị Như Quỳnh	20/9/2002	THCB	-	92.00		92.00	
4	Mai Lệ Huyền	12/7/1997	THCB	-	91.50		91.50	
5	Lương Thị Chi	14/10/1991	THCB	-	90.00		90.00	
6	Châu Thị Lệ Hạnh	16/4/1990	THCB	-	90.00		90.00	
7	Bùi Thị Viên	12/01/2001	THCB	-	89.50		89.50	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
8	Trần Thị Hải Nhi	03/10/1995	THCB	-	89.00		89.00	
9	Võ Thị Minh Thương	12/4/1997	THCB	-	89.00		89.00	
10	Trương Thị Diễm	12/01/1996	THCB	-	88.50		88.50	
11	Bùi Thị Vân	10/10/2001	THCB	-	88.50		88.50	
12	Phạm Thị Cẩm Duyên	16/03/1999	THCB	-	88.00		88.00	
13	Nguyễn Thị Lan	24/6/1997	THCB	-	88.00		88.00	
14	Dương Thị Ngân	02/02/2002	THCB	-	87.50		87.50	
15	Phạm Thúy Huyền	20/10/2002	THCB	-	87.00		87.00	
16	Huỳnh Thị Phương Loan	16/9/2001	THCB	-	87.00		87.00	
17	Trần Thị Kim Duyên	06/10/2001	THCB	-	86.50		86.50	

[illegible]

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
27	Trần Thị Mỹ Nhân	12/4/1993	THTH	-	76.50		76.50	
28	Lê Trung Tín	19/5/1992	THTH	-	76.00		76.00	
III	BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ							
*	MÔN NGŨ VĂN							
1	Hoàng Thị Mỹ Hằng	04/12/1994	THCSNV	-	84.00		84.00	
2	Đặng Thị Kim Nhất	15/5/1998	THCSNV	-	81.50		81.50	
3	Nguyễn Thị My	02/01/1994	THCSNV	Con Thương binh	76.00	5.00	81.00	
4	Nguyễn Phạm Hồng Viên	16/04/2001	THCSNV	-	80.50		80.50	

Danh sách này có 69 thí sinh./.